

Bản án số: 64/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 22/11/2019

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN

- *Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Thị Tám
2. Ông Lương Minh Suốt

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Tô Văn Đăng - Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên tòa:*
Ông Đoàn Văn Khải – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2019/TLST - HNGĐ, ngày 05 tháng 6 năm 2019 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2019/QĐST - HNGĐ, ngày 07 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thanh Lan Đ**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số 194/29 đường Tinh lộ 934 ấp Thạnh L, thị trấn Mỹ X, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc T.

- Bị đơn: Ông **Nhân Thanh T**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số 194/29 đường Tinh lộ 934 ấp Thạnh L, thị trấn Mỹ X, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/5/2019 nguyên đơn bà Lê Thanh Lan Đ trình bày:* Bà và ông Nhân Thanh T kết hôn vào năm 1996 không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 21 năm đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không còn hợp nhau dẫn đến vợ chồng sống chung không còn hạnh phúc. Nên vợ chồng không còn sống chung từ năm 2017 cho đến nay. Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Đào Khắc Minh T, sinh ngày 06/9/1996 (đã trưởng thành). Nay bà Lê Thanh Lan Đ yêu cầu Tòa án quyết được ly hôn với ông Nhân Thanh T.

- Về con chung: Các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nhân Thanh T trình bày:

Ông và bà Lê Thanh Lan Đ kết hôn vào năm 1996 không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 21 năm đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không còn hợp nhau dẫn đến vợ chồng sống chung không còn hạnh phúc. Nên vợ chồng không còn sống chung từ năm 2017 cho đến nay. Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Nhân Khắc Minh T, sinh ngày 06/9/1996 (đã trưởng thành). Nay bà Lê Thanh Lan Đ yêu cầu Tòa án quyết định ly hôn với ông, ông không đồng ý ly hôn. Vì sức khỏe của nguyên đơn không bình thường nên ông yêu cầu Tòa án giám định tâm thần nguyên đơn. Khi nào có kết quả thì ông sẽ xem xét lại yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thanh Lan Đ; Về con chung: đã trưởng thành không yêu xem xét giải quyết; Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung: Bà Lê Thanh Lan Đ và ông Nhân Thanh T kết hôn vào năm 1996 không có đăng ký kết hôn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Đ và ông T là hôn nhân không hợp pháp nên khi có yêu cầu ly hôn thì chỉ được xem xét giải quyết không công nhận là vợ chồng. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng sau đó do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xảy ra cãi vã và sống không hạnh phúc, vì vậy bà Đ và ông T sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Tại phiên Tòa hôm nay, nguyên đơn bà Lê Thanh Lan Đ giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Nhân Thanh T vì bà Đ không còn tình cảm với ông T. Hội đồng xét xử nhận thấy việc sống chung của hai bên như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn, nên hôn nhân giữa bà Đ và ông T là chưa hợp pháp và không làm phát sinh nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì vậy, nếu bà Đ có yêu cầu ly hôn với ông Nhân Thanh T thì chỉ được xem xét giải quyết không công nhận vợ chồng, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố quan hệ sống chung giữa bà Lê Thanh Lan Đ với ông Nhân Thanh T

không phải là vợ chồng. Còn ông Nhâm Thanh T không đồng ý ly hôn với bà Lê Thanh Lan Đ. Vì sức khỏe của bà Đ không bình thường nên ông yêu cầu Tòa án giám định tâm thần bà Đ, khi nào có kết quả thì ông sẽ xem xét lại yêu cầu của ly hôn của bà Đ. Đối với yêu cầu của ông T hội đồng xét xử nhận thấy bà Đ chỉ làm đơn yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông nhưng ông cho rằng sức khỏe của bà Đ không bình thường nên ông yêu cầu Tòa án giám định tâm thần. Nhưng Tòa án đã cho ông thời gian nhưng ông không giám định theo yêu cầu của Tòa án.

[2] Về con chung: Bà Lê Thanh Lan Đ và ông Nhâm Thanh T trình bày trong quá trình chung sống vợ chồng có một người con tên Nhâm Khắc Minh T, sinh ngày 06/9/1996 (đã trưởng thành) không yêu cầu Tòa án giải quyết

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[4] Về nợ chung: Bà Lê Thanh Lan Đ và ông Nhâm Thanh T trình bày không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thanh Lan Đ phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm theo định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thanh Lan Đ và ông Nhâm Thanh T.

2. Về con chung: Con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

5. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

6. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thanh Lan Đ phải chịu là 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Đ đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008950 ngày 29 tháng 5 năm 2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, bà Lê Thanh Lan Đ đã nộp xong.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Chi cục T.H.ADS huyện Mỹ Xuyên;
- Phòng KTNV&THA –TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND thị trấn Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu hs vụ án.

Phạm Thanh Tùng